

**Biểu số 01**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 HUYỆN SA THẦY**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch tỉnh giao năm 2025			Kế hoạch huyện giao năm 2025					Kế hoạch huyện giao tăng so với Kế hoạch tỉnh giao	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết		
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó				
							Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp			
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1=2+3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=5+8</b>	<b>5=6+7</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9=4-1</b>	<b>10</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>29.217,0</b>	<b>29.217,0</b>	<b>-</b>	<b>170.734,5</b>	<b>170.734,5</b>	<b>170.734,5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>141.517,5</b>	
<b>I.</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSDP</b>	<b>29.217,0</b>	<b>29.217,0</b>	<b>-</b>	<b>170.734,5</b>	<b>170.734,5</b>	<b>170.734,5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>141.517,5</b>	
1	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	10.497,0	10.497,0	-	10.497,0	10.497,0	10.497,0	-	-	-	
-	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	7.832,0	7.832,0		7.832,0	7.832,0	7.832,0			-	
-	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	2.665,0	2.665,0		2.665,0	2.665,0	2.665,0			-	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	18.720,0	18.720,0		160.237,5	160.237,5	160.237,5			141.517,5	
3	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	-			-	-	-		-	-	
<b>II.</b>	<b>Các nguồn thu được để lại đầu tư (Dự kiến nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2024)</b>				-	-	-			-	

**Biểu số 02**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh (Lần 3)				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch năm 2025				Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Phân bổ chi tiết		Chưa phân bổ chi tiết (*)		
										Tổng số	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước							Thanh toán nợ XDCB	
7	8	9	10	11	12	13	14	15	18	19	20	21	22						
<b>TỔNG CỘNG</b>							931.360,0	593.560,0	257.763,7	257.763,7	-	-	87.368,1	87.368,1	170.734,5	170.734,5	170.734,5	-	
<b>I</b>	<b>NGUỒN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG</b>						323.000,0	323.000,0	24.111,9	24.111,9	-	-	13.614,9	13.614,9	10.497,0	10.497,0	10.497,0	-	
<b>I.1</b>	<b>Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh</b>						318.000,0	318.000,0	20.352,9	20.352,9	-	-	12.520,9	12.520,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						318.000,0	318.000,0	20.352,9	20.352,9	-	-	12.520,9	12.520,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	
1	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện laly	BQL	TT Sa Thầy		2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021	318.000,0	318.000,0	20.352,9	20.352,9			12.520,9	12.520,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0		Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 58.536,5 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất. Bổ trí đối ứng 2.668 triệu đồng đối ứng Tiểu dự án 1 - Dự án 4 thuộc Chương trình MTQG dân tộc và miền núi; 67,4 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025																		
<b>I.2</b>	<b>Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)</b>						5.000,0	5.000,0	3.759,0	3.759,0	-	-	1.094,0	1.094,0	2.665,0	2.665,0	2.665,0	-	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025						5.000,0	5.000,0	3.759,0	3.759,0	-	-	1.094,0	1.094,0	2.665,0	2.665,0	2.665,0	-	
1	Trường Mầm non Vàng Anh xã Ya Tăng. Hạng mục: Nhà phục vụ học tập 02 phòng và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Ya Tăng		2023-	1825/QĐ-UBND 27/11/2023	1.250,0	1.250,0	939,0	939,0			906,0	906,0	33,0	33,0	33,0		Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; Bổ trí đối ứng 33 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM
2	Trường Mầm non xã Ya Xiêr. Hạng mục: Sửa chữa nhà học, xây mới cổng hàng rào và hạng mục phụ trợ điểm trường trung tâm và điểm trường thôn Thanh Xuân	BQL	Xã Ya Xiêr		2023-	1891/QĐ-UBND 11/12/2023	1.250,0	1.250,0	940,0	940,0					940,0	940,0	940,0		Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; Bổ trí đối ứng 74,4 triệu đồng Nội dung số 5, Dự án 1 thuộc Chương trình MTQG dân tộc và miền núi và 865,6 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM
3	Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chử	BQL	Xã Ya Ly		2023-	1843/QĐ-UBND 30/11/2023	1.250,0	1.250,0	940,0	940,0			188,0	188,0	752,0	752,0	752,0		Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; 698,0 triệu đồng đối ứng CIMTQG xây dựng NTM năm 2025. Bổ trí đối ứng 752 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM
4	Sửa chữa 02 dãy nhà học 2 tầng và hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Rô Koi	BQL	Xã Rô Koi		2023-	1892/QĐ-UBND 11/12/2023	1.250,0	1.250,0	940,0	940,0					940,0	940,0	940,0		Bổ trí đối ứng 80 triệu đồng Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi và 860 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025																		
<b>II</b>	<b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÂN ĐỐI</b>						608.360,0	270.560,0	233.651,8	233.651,8	-	-	73.753,3	73.753,3	160.237,5	160.237,5	160.237,5	-	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						588.000,0	220.200,0	197.479,8	197.479,8	-	-	56.353,3	56.353,3	141.126,5	141.126,5	141.126,5	-	
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thầy	BQL	TT Sa Thầy		2021-	136/QĐ-UBND 27/01/2021	52.000,0	52.000,0	52.000,0	52.000,0			15.902,8	15.902,8	36.097,2	36.097,2	36.097,2		

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh (Lần 3)				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trở: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Phân bổ chi tiết		Chưa phân bổ chi tiết (*)			
										Tổng số	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước							Thanh toán nợ XDCB		
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xốp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Mô Rai		2020-	700/QĐ-UBND 26/7/2020 39/NQ-HĐND 22/10/2021	123.000,0	88.000,0	85.632,7	85.632,7			32.450,4	32.450,4	53.182,2	53.182,2	53.182,2		Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tỉnh hỗ trợ; 1.916,839 triệu đồng từ nguồn đầu tư năm 2020 chuyển sang năm 2021; 450,5 triệu nguồn tăng thu ngân sách huyện; Bổ trợ ứng 986,3 triệu đồng Dự án 2 thuộc thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi	
3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện laly	BQL	H. Sa Thầy		2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021	318.000,0	76.200,0	55.847,1	55.847,1			8.000,0	8.000,0	47.847,1	47.847,1	47.847,1		Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 20.352,9 triệu nguồn cân đối NSDP	
4	Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đai tướng niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đai tướng niệm Chư Tan Kra	BQL	Xã Sa Sơn, xã Ya Xiêr		2023-	54/NQ-HĐND 01/11/2023	65.000,0	4.000,0	4.000,0	4.000,0					4.000,0	4.000,0	4.000,0		Chưa bao gồm 3.000 triệu đồng nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2023	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025																			
(4)	Nguồn thu sử dụng đất trong cân đối được để lại cho cấp xã (để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng; hỗ trợ làm đường hẻm, đường giao thông nông thôn...)						34.360,0	34.360,0	25.502,0	25.502,0	-	-	12.000,0	12.000,0	10.211,0	10.211,0	10.211,0		-	
1	Thị trấn	Thị trấn	Thị trấn		2025		23.400,0	23.400,0	19.632,0	19.632,0			9.355,0	9.355,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0			
2	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025		50,0	50,0	90,0	90,0			70,0	70,0	5,0	5,0	5,0			
3	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2025		100,0	100,0	100,0	100,0			75,0	75,0	100,0	100,0	100,0		Bổ trợ ứng 19,55 triệu đồng Tiểu dự án 2 - Dự án 10 thuộc thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi	
4	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn		2025		50,0	50,0	90,0	90,0			60,0	60,0	20,0	20,0	20,0			
5	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2025		50,0	50,0	90,0	90,0			55,0	55,0	10,0	10,0	10,0			
6	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2025		85,0	85,0	105,0	105,0			90,0	90,0	3,0	3,0	3,0			
7	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2025		50,0	50,0	90,0	90,0			55,0	55,0	28,0	28,0	28,0		Bổ trợ ứng 19,55 triệu đồng Tiểu dự án 2 - Dự án 10 thuộc thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi	
8	Xã Rò Koi	Xã Rò Koi	Xã Rò Koi		2025		25,0	25,0	85,0	85,0			50,0	50,0	15,0	15,0	15,0			
9	Xã Mô Rai	Xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2025		10.500,0	10.500,0	5.130,0	5.130,0			2.130,0	2.130,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0			
10	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2025		50,0	50,0	90,0	90,0			60,0	60,0	30,0	30,0	30,0			
(5)	Chi công tác đo đạc, quản lý đất đai	PTNMT	H. Sa Thầy		2025		16.000,0	16.000,0	10.670,0	10.670,0			5.400,0	5.400,0	8.900,0	8.900,0	8.900,0			

Biểu số 03

**TỔNG HỢP VỐN PHÂN CẤP CỦA TỈNH CHO HUYỆN NĂM 2024**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg					Thu tiền sử dụng đất			Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	Ghi chú
	Tổng số	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tổng số	Trong đó:			
							Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai		
29.217	10.497	7.832	2.665			18.720	12.320	6.400		